

Số: **1588**/QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **09** tháng **7** năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp,  
Tổng cục Thủy sản một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ Sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 03/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 04/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 05/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân cấp nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản về kế hoạch, đầu tư, tài chính, khoa học, công nghệ và môi trường, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thanh tra; một số nhiệm vụ đề điều, phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai và lâm nghiệp như sau:

**I. VỀ KẾ HOẠCH**

1. Đề xuất phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho các dự án thuộc chuyên ngành do Tổng cục theo dõi, quản lý trên cơ sở khung vốn được Bộ giao và báo cáo Bộ qua Vụ Kế hoạch để thẩm định, tổng hợp, tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Giám sát, đánh giá và tổng hợp việc triển khai, thực hiện kế hoạch của chuyên ngành; xử lý kiến nghị liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực được giao.

3. Quản lý công tác quy hoạch, điều tra cơ bản thuộc chuyên ngành trên cơ sở danh mục dự án và dự toán kinh phí Bộ giao:

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt đề cương, tổng dự toán (bao gồm cả điều chỉnh đề cương, tổng dự toán);

- b) Tuyển chọn tư vấn thực hiện theo quy định;
- c) Kiểm tra, giám sát thực hiện;
- d) Thẩm định, nghiệm thu, công bố, quản lý và sử dụng kết quả dự án;
- đ) Giao dự toán và quyết toán.

## II. VỀ ĐẦU TƯ

1. Đối với các chương trình, dự án đầu tư (nhóm A, B, C) có nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư:

a) Tổng cục chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định về kỹ thuật theo chuyên ngành khi được Bộ trưởng phân công;

b) Quản lý và chỉ đạo thực hiện chương trình, dự án theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ Về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và quy định của pháp luật.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình (nhóm A, B, C) có vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách tập trung trong nước, sau khi được Bộ trưởng quyết định cho phép lập và điều chỉnh dự án:

a) Tổng cục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt và quản lý, chỉ đạo thực hiện các dự án được Bộ phân công theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Tổng cục Thủy lợi đối với các dự án tu bổ, nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi, công trình đê điều, cấp thoát nước, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Tổng cục Thủy sản đối với các dự án cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; chợ thủy sản đầu mối, hệ thống thông tin thủy sản, thông tin tìm kiếm cứu nạn, tàu chuyên dùng nghề cá (khai thác, dịch vụ hậu cần thủy sản, tàu kiểm ngư, tàu điều tra nguồn lợi);

- Tổng cục Lâm nghiệp đối với các dự án lâm nghiệp (lâm sinh, giống, các công trình phù trợ cho công trình lâm sinh, công nghiệp rừng và lâm sản ngoài gỗ, quản lý rừng bền vững và quản trị rừng), các dự án tăng cường năng lực quản lý chuyên ngành (bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; các loài động thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; phòng, chữa cháy rừng, cảnh báo dự báo cháy rừng, chống sa mạc hoá và biến đổi khí hậu, hệ thống thông tin lâm nghiệp) và các dự án duy tu, bảo dưỡng sau đầu tư thuộc lĩnh vực lâm nghiệp.

b) Về thực hiện quản lý đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình: Thực hiện theo Thông tư số 84/2011/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2011 Quy định một số nội dung về quản lý dự

án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và quy định pháp luật có liên quan;

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh: Thực hiện theo Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và quy định pháp luật.

3. Đối với các hạng mục thuộc vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có trong kế hoạch đã được Bộ duyệt thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/3/2011 Hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và mua sắm, xử lý tài sản nhà nước hàng năm tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành của pháp luật.

4. Về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Thẩm tra thiết kế các dự án đầu tư do Tổng cục thẩm định;

b) Kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng đối với các dự án đầu tư do Tổng cục thẩm định;

c) Giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do Tổng cục thẩm định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng về chất lượng công trình xây dựng và việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng các công trình chuyên ngành ở địa phương;

đ) Riêng Tổng cục Thủy lợi ngoài thực hiện các điểm a, b, c, d Khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định này, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình thủy lợi; kiểm tra, giám định chất lượng công trình xây dựng, kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm a Khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định này và các công trình khác theo phân công của Bộ trưởng;

e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo phân công của Bộ trưởng và Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

### **III. VỀ TÀI CHÍNH**

1. Giao nhiệm vụ, kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Tổng cục theo kế hoạch tài chính được Bộ trưởng giao.

2. Điều hành dự toán:

a) Phê duyệt kế hoạch sử dụng kinh phí không thường xuyên theo đúng kế hoạch được Bộ giao;

b) Phê duyệt hoặc uỷ quyền cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục phê duyệt nhiệm vụ chi và dự toán chi tiết những nội dung ngoài thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên, thực hiện các chương trình, dự án thuộc quyền quản lý của Tổng cục.

### 3. Công tác quyết toán:

a) Đối với nguồn kinh phí hành chính sự nghiệp và nguồn viện trợ không hoàn lại có tính chất sự nghiệp: Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán tài chính của Tổng cục để báo cáo Bộ. Thông báo xét duyệt quyết toán tài chính năm cho các đơn vị trực thuộc Tổng cục trên cơ sở thông báo của Bộ;

b) Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng: số 1195/QĐ-BNN-TC ngày 06/6/2011 Ban hành Quy định về lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Bộ quản lý; số 747/QĐ-BNN-TC ngày 14/4/2011 Ban hành quy định về lập, gửi, thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách năm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định hiện hành của pháp luật, phân cấp cụ thể như sau:

- Thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ năm;

- Tổng hợp, trình Bộ (qua Vụ Tài chính để thẩm tra) phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, vốn hỗ trợ của nước ngoài (ODA, NGO) do Tổng cục chủ trì thẩm định trình Bộ trưởng quyết định đầu tư;

- Chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ của nước ngoài (ODA, NGO) do Tổng cục thẩm định trình Bộ trưởng quyết định đầu tư và các dự án đầu tư nhóm B, C Bộ giao các đơn vị trực thuộc Tổng cục làm chủ đầu tư;

- Thực hiện chế độ báo cáo quyết toán về Bộ (qua Vụ Tài chính) theo quy định.

## IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

### 1. Quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ chuyên ngành:

a) Lựa chọn và tổng hợp trình Bộ danh mục các đề tài, dự án (danh sách ngắn) thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành trên cơ sở các đề xuất của các tổ chức, cá nhân đăng ký với Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường); phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trong xét chọn, tuyển chọn, đấu thầu các đề tài, dự án chuyên ngành;

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Tổng cục và các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ lựa chọn, trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục các đề tài, dự án của toàn Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở đề xuất của các Tổng cục và các cơ quan, đơn vị; chủ trì, phối hợp với các Tổng cục tổ chức đấu thầu, xét chọn, tuyển chọn, trình Bộ trưởng phê duyệt nội dung và kinh phí các đề tài, dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

b) Căn cứ danh mục, nội dung và kinh phí đề tài, dự án được Bộ giao: Tổng cục phê duyệt thuyết minh; giao nhiệm vụ thực hiện đối với các đơn vị thuộc Tổng cục hoặc ký hợp đồng đối với các đơn vị ngoài Tổng cục; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ; sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu; báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ;

c) Các đề tài, dự án khoa học công nghệ từ hai lĩnh vực chuyên ngành (ví dụ như: thủy sản và thủy lợi) trở lên do Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) quản lý theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, giám sát, thẩm định, công nhận tiến bộ kỹ thuật, giống mới, vật tư, thiết bị chuyên dùng; quy trình công nghệ mới thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Tổng cục.

3. Về khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư số 15/2013/TT-BNNPTNT ngày 26/02/2013 của Bộ trưởng Quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và quy định pháp luật hiện hành.

4. Về môi trường:

a) Chủ trì thẩm định, trình Bộ phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường các chương trình, dự án liên quan đến chuyên ngành thuộc nhiệm vụ của Tổng cục do Bộ trưởng phê duyệt và giao Tổng cục quản lý, chỉ đạo thực hiện;

b) Chủ trì giám định, xử lý sự cố kỹ thuật, môi trường thuộc lĩnh vực chuyên ngành được giao quản lý;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường thuộc nhiệm vụ của Tổng cục;

d) Quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường thuộc chuyên ngành của Tổng cục được giao: Căn cứ danh mục, nội dung và kinh phí nhiệm vụ môi trường Bộ trưởng giao, Tổng cục giao nhiệm vụ thực hiện đối với các đơn vị thuộc Tổng cục hoặc ký hợp đồng đối với các đơn vị ngoài Tổng cục; kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu kết quả; thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định; báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ.

5. Về tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định thuộc lĩnh vực quản lý của Tổng cục:

a) Tổng hợp, trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) danh mục xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Phê duyệt đề cương, dự toán các nhiệm vụ được giao, kiểm tra, giám sát thực hiện;

c) Tổ chức xây dựng, nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

6. Về chứng nhận hợp quy, đánh giá, chỉ định phòng thử nghiệm: Thực hiện theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 55/2010/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; số 52/2012/TT-BNNPTNT ngày 22/10/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/04/2011 và Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 và quy định của pháp luật hiện hành.

## V. VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Đầu môi tổ chức thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế về kỹ thuật chuyên ngành với cấp Tổng cục và tương đương của các nước trong hợp tác song phương và vùng lãnh thổ sau khi báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ (qua Vụ Hợp tác quốc tế) và được Bộ trưởng chấp thuận về chủ trương.

2. Đại diện Bộ tham gia và giữ mối liên hệ hợp tác thường xuyên với các tổ chức quốc tế và khu vực về kỹ thuật chuyên ngành theo phân công của Bộ trưởng, báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) được Bộ giao cho các tổ chức thuộc Tổng cục làm chủ chương trình, dự án: Chủ trì thẩm định kỹ thuật, trình Bộ phê duyệt nội dung kỹ thuật chuyên ngành; quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các chương trình, dự án đầu tư (nhóm A, B, C) nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện quy định tại Khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định này.

## VI. VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Công tác tổ chức, biên chế:

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục trên cơ sở hướng dẫn của Bộ và quy định của pháp luật;

b) Chủ trì thẩm định, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể: Ban Chỉ đạo, Hội đồng khoa học, Hội đồng tư vấn, Tổ công tác giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền;

c) Giao biên chế công chức hành chính nhà nước, công chức và viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, hợp đồng 68 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính nhà nước, công chức và viên chức hàng năm của Bộ trưởng; báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Về hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động các hội và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực chuyên ngành:

a) Đầu mối liên hệ công tác với các hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục sau khi được Bộ trưởng chấp thuận về chủ trương. Những việc có tính chất phức tạp, ảnh hưởng rộng, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị và quốc tế phải báo cáo Bộ trưởng để xin ý kiến chỉ đạo thực hiện;

b) Xây dựng, trình Bộ ban hành cơ chế để Hội tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Tổng cục;

c) Thẩm định, đề nghị Bộ quyết định công nhận Ban vận động thành lập Hội thuộc chuyên ngành được giao quản lý theo quy định; có văn bản tham gia về Điều lệ Hội đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ về chấp hành pháp luật chuyên ngành; kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật về Hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Tổng cục.

3. Quản lý cán bộ:

a) Đề xuất, trình Bộ trưởng quyết định quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, biệt phái, kỷ luật đối với Phó Tổng cục trưởng;

b) Tổng cục trưởng quyết định quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, biệt phái trong nội bộ Tổng cục đối với cấp trưởng, cấp phó, công chức, viên chức lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và gửi quyết định để báo cáo Bộ trưởng. Việc bổ nhiệm lần đầu cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục phải báo cáo và được Bộ trưởng đồng ý bằng văn bản về chủ trương trước khi triển khai quy trình, thủ tục bổ nhiệm.

c) Thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật công chức, viên chức của Tổng cục theo quy định của pháp luật;

d) Tiếp nhận công chức sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ; quản lý, sử dụng công chức thuộc Tổng cục theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật;

đ) Tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật;

e) Tổng cục trưởng quyết định xuất cảnh đối với tất cả cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng không xác định thời hạn thuộc Tổng cục đi công tác, học tập tại nước ngoài (không bao gồm: Tổng cục trưởng, các Phó Tổng cục trưởng; cán bộ, công chức, viên chức đi làm chuyên gia hoặc cộng tác viên dài hạn tại nước ngoài; cán bộ, công chức được cử đi cùng đoàn cao cấp của Đảng và Nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức tham gia đoàn ra sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí thanh toán qua Văn phòng Bộ); chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về quản lý nhân sự được cử đi công tác, học tập ở nước ngoài.

#### 4. Công tác chính sách, tiền lương:

a) Bổ nhiệm ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp, chuyển ngạch hoặc thay đổi chức danh nghề nghiệp theo quy định đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống;

b) Về nâng lương: Quyết định nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức của Tổng cục từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục; giải quyết chế độ chính sách có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Giải quyết đơn thư khiếu nại về các vấn đề có liên quan thuộc lĩnh vực phân cấp quản lý về chính sách, tiền lương;

đ) Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức từ cấp trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục trở xuống theo quy định.

### VII. VỀ THANH TRA

1. Quyết định thanh tra chuyên ngành và thành lập Đoàn thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch được Bộ trưởng phê duyệt. Đối với những vụ việc phức tạp, liên quan đến các Bộ, ngành, địa phương và trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều cấp, nhiều ngành thì Bộ trưởng quyết định việc thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra.

2. Về thanh tra đột xuất: Trường hợp Tổng cục trưởng ra quyết định thanh tra đột xuất phải gửi đề báo cáo Chánh Thanh tra Bộ. Đối với vụ việc phức tạp, liên quan đến các Bộ, ngành, địa phương và trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều cấp, nhiều ngành thì Bộ trưởng quyết định việc thanh tra đột xuất và thành lập Đoàn thanh tra.

### VIII. VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ ĐỀ ĐIỀU, PHÒNG, CHỐNG LỤT, BẢO, GIẢM NHE THIÊN TAI

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi ban hành các văn bản chấp thuận:

a) Việc cấp giấy phép cho những hoạt động đối với đề cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đề điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh, thành phố trở lên theo quy định của pháp luật. Những công việc có tính chất phức tạp, nhạy cảm, Tổng cục phải báo cáo xin ý kiến Bộ trưởng trước khi quyết định;



b) Ban hành văn bản thỏa thuận kỹ thuật về thủy lợi, đề điều, phòng chống lụt bão hoặc có liên quan đến thủy lợi, đề điều và phòng chống lụt bão theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả nước thải vào hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật.

## **IX. VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ THUỘC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức thẩm định và trình Bộ về phân bổ chỉ tiêu khai thác rừng tự nhiên cho các địa phương, đơn vị theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở tổng hạn mức khai thác hàng năm do Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp cho phép các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu giống cây lâm nghiệp theo quy định pháp luật về giống cây trồng.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp thỏa thuận việc thăm dò, khai thác khoáng sản trên diện tích rừng (trừ rừng đặc dụng) theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương.

### **Điều 2. Trách nhiệm của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản**

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được Bộ phân cấp. Tổng cục trưởng có thể phân công cấp phó ký thay để giải quyết một số công việc cụ thể thuộc lĩnh vực được Bộ trưởng phân cấp.

2. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ.

3. Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo quý, năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Bộ trưởng phân cấp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

### **Điều 3. Trách nhiệm của các Vụ, Cục**

1. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung các Quyết định số 2238/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2010, số 2239/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2010 và quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về kế hoạch phù hợp với nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về kế hoạch.

2. Vụ trưởng Vụ Tài chính có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1195/QĐ-BNN-TC ngày 06/6/2011 và quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về tài chính phù hợp với nội dung quy

định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về tài chính, ngân sách.

3. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/8/2009 và các quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về hợp tác quốc tế phù hợp với nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về hợp tác quốc tế.

4. Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung các Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15/5/2006, số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008 và quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về khoa học, công nghệ và môi trường phù hợp với nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và môi trường; xây dựng, trình Bộ trưởng Quy chế phối hợp giữa Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với các Tổng cục, Vụ liên quan trong xét chọn, tuyển chọn, đấu thầu các đề tài, dự án theo quy định.

5. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về tổ chức cán bộ phù hợp với nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về tổ chức cán bộ.

6. Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình có trách nhiệm rà soát, trình Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung Thông tư số 84/2011/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2011 và quy định hiện hành để phân cấp cho 03 Tổng cục về quản lý đầu tư xây dựng phù hợp với nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về đầu tư.

7. Chánh Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý nhiệm vụ về thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng.

8. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và Văn phòng Bộ kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng tình hình thực hiện nội dung phân cấp theo quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

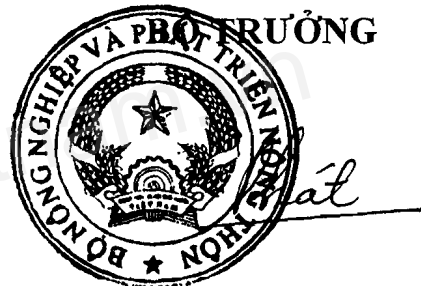
2. Bãi bỏ các Quyết định của Bộ trưởng: số 1604/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/6/2010 Phân cấp quản lý một số nhiệm vụ cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 3122/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/11/2010 Phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và môi trường cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 742/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/3/2010 Giao trách nhiệm giải quyết một số công

việc cho Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp; số 743/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/3/2010 Giao trách nhiệm giải quyết một số công việc cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi; số 1808/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/6/2010 Bổ sung về việc giao trách nhiệm giải quyết công việc cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi; số 741/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/3/2010 Giao trách nhiệm giải quyết một số công việc cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, VP Bộ, TTr Bộ, Ban ĐM&QLDNNN;
- Lưu: VT, TCCB.TMĐ.(160b).



**Cao Đức Phát**